TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2026
V/v: "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Thanh Đức** và ông **Lê Ngọc Thơm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2026/TLST-HNGĐ, ngày 03/4/2026, về việc: "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/4/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 34/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Lê Thanh T**, sinh năm: 1984. Địa chỉ: A H, khu phố A, phường P, tỉnh Lâm Đồng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Đỗ Hoàng D**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố D T, phường L, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Lê Thanh T trình bày: Bà và ông D tìm hiểu, tự nguyện chung sống năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 04/7/2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 do UBND phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (cũ), nay là UBND phường P, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống giai đoạn đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề (tình cảm, phát triển kinh tế gia đình …) vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau gây gắt. Vợ chồng cũng đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không có kết quả và cũng không sống chung với nhau từ khoảng tháng 02/2025 đến nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chia sẻ cho nhau những buồn vui trong cuộc sống nữa, nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Hoàng D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Vũ Thủy T1, sinh ngày 19/10/2020, giới tính: nữ. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Vũ Thủy T1, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Về nội dung vụ án, vẫn giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Đỗ Hoàng D, yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2 triệu đồng.

- *Bị đơn ông Đỗ Hoàng D*: Ông thừa nhận mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Huỳnh Lê Thanh T về thời gian đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn gia đình là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề (tình cảm, phát triển kinh tế gia đình …) vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã không sống chung với nhau từ khoảng tháng 02/2025 đến nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống, thỉnh thoảng có nói chuyện với nhau nhưng chỉ nói chuyện về việc của con. Ông xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà T và mong muốn có giữ gìn một gia đình trọn vẹn cho con nên mong Toà án tạo điều kiện hoà giải cho vợ chồng có cơ hội hàn gắn với nhau. Trường hợp không thể hàn gắn, Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao con chung là cháu Đỗ Vũ Thủy T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên toà, ông D vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, tỉnh Lâm Đồng cho rằng:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T được ly hôn với ông D.

Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Vũ Thủy T1, sinh ngày 19/10/2020, giới tính: nữ cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Buộc ông D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn – bà Huỳnh Lê Thanh T nộp đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con" đối với ông Đỗ Hoàng D. Bị đơn có nơi cư trú tại phường L, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng.

- Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Lê Thanh T và ông Đỗ Hoàng D tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký ngày 04/7/2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 do UBND phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (cũ), nay là UBND phường P, tỉnh Lâm Đồng, nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà T cho rằng bà không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn với ông D. Mặc dù, ông D không đồng ý ly hôn nhưng Toà án đã triệu tập hợp lệ ông D nhiều lần nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện ông, bà không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của ông bà, thể hiện: *"...Vợ chồng ông, bà có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, hiện tại vợ chồng không còn sống chung ..."*. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông, bà đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Ông, bà có 01 con chung cháu Đỗ Vũ Thủy T1, sinh ngày 19/10/2020, giới tính: nữ. Xét yêu cầu nuôi con của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo cho con trẻ được phát triển bình thường, đầy đủ nhất về thể chất và tinh thần. Cháu T1 giới tính nữ và hiện tại đang được bà T nuôi dưỡng. Bà T có việc làm và thu nhập ổn định, vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu tốt, ông D cũng đồng ý việc cháu T1 ở với bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Để đảm bảo quyền lợi của con chung, ông D được quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có căn cứ theo quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Nguyên đơn yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng. Theo biên bản xác minh của Toà án tại địa phương thì ông Đỗ Hoàng D làm thợ chụp hình, trung bình thu nhập là 10 triệu đồng/tháng, nhưng hiện tại công việc gặp nhiều khó khăn.

Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*". Căn cứ mục 28 phụ lục 1 được ban hành kèm theo Nghị định số 128/2025/NĐ-CP, ngày 11/6/2025 và Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024, của Chính phủ, Hội đồng xét xử nhận thấy mức cấp dưỡng 2 triệu đồng/tháng như yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định, với khả năng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Trên cơ sở đánh giá toàn diện lời trình bày của các bên đương sự về thu nhập của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nhu cầu thiết yếu của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn.

Buộc ông D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đỗ Vũ Thủy T1 là 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 58, 69, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Huỳnh Lê Thanh T được ly hôn ông Đỗ Hoàng D.

[2] Về con chung: Giao con chung là Đỗ Vũ Thủy T1, sinh ngày 19/10/2020, giới tính: nữ cho bà Huỳnh Lê Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Đỗ Hoàng D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Ông Đỗ Hoàng D được quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có căn cứ theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đỗ Hoàng D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đỗ Vũ Thủy T1 mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu đồng) đồng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Huỳnh Lê Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai số 0005619, ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Huỳnh Lê Thanh T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Đỗ Hoàng D phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Lê Thanh T và ông Đỗ Hoàng D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND khu vực 15;*
- *Phòng THADSKV 15;*
- *Các đương sự;*
- *Nơi ĐKKH: UBND phường La Gi;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Thịnh